Sở Tư pháp
02.01.2024 13:37:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2023/QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; Định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất; Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Thông tư số 53/2017/TT-BTNMT ngày 04 tháng 12 năm 2017 quy định ngưng hiệu lực thi hành khoản 5 điều 6 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 6 Điều 1 Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Văn bản số 782/HĐND-KTNS ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 476/TTr-STC ngày 13 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này được áp dụng để xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai); khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, định giá đất cụ thể.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất ban hành kèm theo Quyết định này gồm:

1. Phụ lục về hệ số điều chỉnh giá đất tại địa bàn huyện, thành phố, cụ thể như sau:

a) Phụ lục số 01: Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn thành phố Tuyên Quang.

b) Phụ lục số 02: Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Yên Sơn.

c) Phụ lục số 03: Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Hàm Yên.

d) Phụ lục số 04: Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Chiêm Hóa.

đ) Phụ lục số 05: Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Na Hang.

e) Phụ lục số 06: Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 tại địa bàn huyện Sơn Dương.

2. Ngoài vị trí đã được quy định hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại khoản 1 Điều này, các vị trí còn lại hệ số điều chỉnh giá đất bằng 01 lần giá đất trong Bảng giá đất hiện hành do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh uỷ
- Thường trực HĐND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Ban Kinh tế NS - HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải dữ liệu pháp luật);
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 5;
- Các Phó CVPUBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng THCB-KSTTHC, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.(Qkt).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Mạnh Tuấn

Phụ lục số 01

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TẠI ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
A		**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**	
I		**Đường loại I**	
1		**Đường Quang Trung (Từ ngã ba giao với đường 17/8 (trước phòng Cảnh sát giao thông) đến ngã ba giao với đường Chiến thắng Sông Lô (gần đền Hạ))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Quang Trung đoạn từ ngã 3 giao với đường Chiến Thắng Sông Lô đến ngã tư giao với phố Song Hào	1,5
		Đất liền cạnh đường Quang Trung đoạn từ ngã tư giao với phố Song Hào đến ngã ba giao với đường 17/8	1,25
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường vào đến cổng Trường cấp II Phan Thiết.	1,5
2		**Đường 17/8 (Từ ngã ba giao với đường Trường Chinh (trước phòng Cảnh sát giao thông) qua dốc số 2 đến ngã ba giao nhau với đường Nguyễn Văn Cừ và đường Chiến thắng Sông Lô (khách sạn Lô Giang)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường 17/8.	1,25
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường phố Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ ngã ba đường 17/8 đến hết Tỉnh uỷ Tuyên Quang).	1,5
		Đất liền cạnh đường từ ngã 3 chợ Xép đến ngã ba giao với đường 17/8 (Công ty sách và Thiết bị trường học).	1,5
		Đất liền cạnh nội bộ thuộc khu quy hoạch dân cư tổ 9+10 (Tổ 16+17+18 cũ) phường Minh Xuân.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
3		**Đường Trường Chinh (Đoạn từ ngã ba giao với đường 17/8 và đường Quang Trung đến giáp cầu Đen)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Trường Chinh.	1,25
4		**Đường Nguyễn Trãi (Từ ngã ba giao với phố Lương Sơn Tuyết (cổng thành Nhà Mạc) qua ngã năm Chợ Tam Cờ, qua Ủy ban nhân dân phường Tân Quang đến cầu Chả mới)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Nguyễn Trãi.	1,5
5		**Đường Bình Thuận (Đoạn từ ngã ba giao với đường 17/8 qua ngã 8 đến Cống Chả 1)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Bình Thuận.	1,5
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường phố Thanh La, đoạn từ đường Bình Thuận ra đường Nguyễn Trãi (cổng sau chợ Tam Cờ).	1,5
6		**Đường Lý Thái Tổ (Đoạn từ cầu Chả mới đến ngã ba giao với đường Bình Thuận)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Lý Thái Tổ.	1,5
	Vị trí 3	Đất liền cạnh ngõ đoạn giao với đường Bình Thuận đến cầu Ngọc Kim	1,27
7		**Đường Chiến Thắng Sông Lô (Từ ngã ba giao với đường 17/8 (khách sạn Lô Giang) dọc theo Sông Lô đến cầu Chả cũ)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Chiến Thắng Sông Lô.	1,25

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 2	Đất liền cạnh 2 trục đường chính vào khu Tân Long (tổ 1 phường Tân Quang).	1,5
8		**Đường Lê Lợi (Đoạn từ ngã năm Chợ Tam Cờ giao với đường Nguyễn Trãi đến ngã tám (Cầu Trượt))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Lê Lợi.	1,25
9		**Phố Xã Tắc (Đoạn từ ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô qua cửa hàng Điện máy đến ngã tư giao với đường Bình Thuận)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Xã Tắc.	1,25
10		**Phố Phan Bội Châu (Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Trãi (cạnh chợ Tam Cờ) đến ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Phan Bội Châu.	1,25
11		**Phố Lương Sơn Tuyết (Đoạn từ ngã ba giao với đường Bình Thuận, qua cổng Lấp đến ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Lương Sơn Tuyết.	1,25
	Vị trí 2	Đất liền cạnh ngõ từ chợ vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp đến chân Cầu Nông Tiến.	1,5
12		**Đường Tân Trào (Đoạn từ ngã ba giao với đường 17/8 (trước Đài Phát thanh và Truyền hình) đến đầu cầu Nông Tiến)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh mặt đường Tân Trào.	1,25

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 2	Đất liền cạnh phố Hồ Xuân Hương (từ ngã ba nhà văn hoá tổ 21 đến ngã ba giao với đường 17/8).	1,5
		Đất liền cạnh đường phố Trần Nhật Duật (từ ngã ba Sở Công Thương ra đường 17/8).	1,5
13		**Đường Phan Thiết (Đoạn từ ngã ba đường 17/8 đến ngã ba giao với đường Quang Trung)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Phan Thiết.	1,25
	Vị trí 2	Đất liền cạnh trục đường dọc giáp Công an phường Phan Thiết	1,5
		Đất liền cạnh đường bê tông ra chợ Phan Thiết thuộc tổ 8 (tổ 16 cũ)	1,5
14		**Phố Hồng Thái (Từ ngã ba giao với đường Quang Trung đến ngã ba giao với đường Phan Thiết)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Hồng Thái.	1,25
II		**Đường loại II**	
1		**Đường Lê Duẩn (Đoạn từ Công an thành phố qua ngã tư Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen (Trường Y cũ) đến nút giao với đường dẫn cầu Tân Hà)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,3
	Vị trí 2	Đất liền cạnh các ngõ, Đất liền cạnh đường nhựa nội bộ khu quy hoạch dân cư tổ 4 (tổ 6 cũ) phường Tân Hà.	1,4
2		**Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ ngã ba giao với đường 17/8 qua cổng Ủy ban nhân dân tỉnh đến ngã ba giao với phố Hai Bà Trưng (đường lên Nhà Thờ xứ)**	

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Trần Hưng Đạo.	1,5
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường vào trường Trung học phổ thông Chuyên Tuyên Quang.	1,4
3		**Phố Tam Cờ (Đoạn từ đường Quang Trung đến ngã ba giao với phố Xã Tắc (trục sau Bách hoá cũ).**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Tam Cờ	1,5
4		**Phố Mạc Đĩnh Chi (Đoạn từ ngã ba giao với đường Quang Trung đến ngã ba giao với đường Trần Phú (đường ngang số 1, khu Lê Lợi 2).**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Mạc Đĩnh Chi.	1,5
5		**Đường Phan Thiết (Đoạn từ ngã tư giao với đường Quang Trung đến hết khu dân cư Phan Thiết 2 điều chỉnh)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Phan Thiết.	1,3
	Vị trí 3	Đất liền cạnh ngõ bê tông vào khu dân cư tổ 15 (tổ 28 cũ) phường Phan Thiết	1,25
6		**Phố Hà Tuyên (Đoạn từ ngã tư giao với đường Quang Trung qua ngã ba giao với đường Lý Thái Tổ)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Hà Tuyên	1,3
	Vị trí 3	Đất liền cạnh ngõ bê tông (đối diện nhà hàng Nam Nga) đến hết thửa đất số 259, tờ bản đồ số 40	1,25
7		**Phố Xã Tắc (Đoạn từ ngã tư đường Bình Thuận đến ngã tư giao với phố Đức Nghĩa)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Xã Tắc.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
8		**Đường Lê Hồng Phong (Từ ngã ba giao với đường 17/8 qua Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân đến ngã ba giao với đường Ngô Quyền và đường Tân Hà)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Lê Hồng Phong.	1,3
	Vị trí 2	Đất liền cạnh ngõ 39 đường Lê Hồng Phong từ nhà bà Trương Thanh Phương đến số nhà 22 (nhà bà Thơm).	1,4
9		**Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn từ ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Linh qua đường Quang Trung đến ngã ba giao với đường Trần Phú)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Đinh Tiên Hoàng.	1,3
10		**Đường Hà Huy Tập (Đoạn từ ngã ba giao với đường Tân Trào đến hết Công ty Cầu đường)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Hà Huy Tập (trừ khu dân cư thương mại Vincom, Việt Mỹ)	1,9
	Vị trí 3	Đất còn lại trong ngõ, ngách	1,25
11		**Đường Phạm Văn Đồng (Đoạn từ cầu Chả đến ngã ba Bình Thuận, bao gồm cả các hộ Tổ 21 bám ven (Bãi đỗ xe cũ) trục đường từ cầu Chả cũ đến ngã ba giao với đường Phú Hưng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Phạm Văn Đồng.	1,3
	Vị trí 2	Đất liền cạnh các ngõ 310, ngõ 412.	1,4
12		**Đường Trường Chinh (Đoạn từ cầu Đen đến hết địa phận phường Ỷ La)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Trường Chinh.	1,5
13		**Phố Lương Sơn Tuyết (Đoạn từ ngã 4 giao với đường Bình Thuận đến ngã 3 giao với đường Đinh Tiên Hoàng.)**	

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 1	Đất ở liền đường đoạn từ ngã 4 giao với đường Bình Thuận đến ngã 3 giao với đường Đinh Tiên Hoàng.	1,5
14		**Đường Tân Trào (Đoạn từ đầu cầu Nông Tiến đến ngã 3 chân dốc đỏ.)**	
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã 4 giao với đường Tân Trào qua Trạm y tế phường vòng qua Trường THCS Nông Tiến ra ngã 4 giao với đường Tân Trào (ngã 4 Bưu điện).	1,4
15		**Đường Tuệ Tĩnh (Đoạn từ ngã 3 giao với đường Lê Duẩn đến ngã 3 giao với đường vào Trung tâm Y tế dự phòng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Tuệ Tĩnh	1,5
16		**Phố Tôn Thất Tùng (Từ ngã ba giao với đường Lê Duẩn (cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tuyên Quang) đến ngã ba giao với đường 17/8)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Tôn Thất Tùng.	1,5
17		**Phố Hoa Lư (Từ ngã ba giao với đường Lê Duẩn (Bệnh viện Phục hồi chức năng Hương Sen) đến ngã ba giao với phố Tôn Thất Tùng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Hoa Lư.	1,5
18		**Đường Lý Thái Tổ (Đoạn từ ngã ba giao với đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba giao với đường Trường Chinh)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Lý Thái Tổ (phường Phan Thiết)	1,5
19		**Khu dân cư nhà phố thương mại**	
	Vị trí 1	Đất tại khu dân cư Nhà phố thương mại Vincom	2,0

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
20		**Phố Song Hào (Đoạn từ ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Linh đến Trạm Y tế phường Phan Thiết)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Song Hào (trừ khu dân cư thương mại Vincom)	1,5
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường từ trạm y tế Phan Thiết đến đường đi Công ty chăn nuôi cũ	1,25
III		**Đường loại III**	
1		**Đường đoạn từ ngã 3 giao với đường 17/8 đến nhà khách Kim Bình**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường từ ngã 3 giao với đường 17/8 đến nhà khách Kim Bình.	1,2
2		**Đường Xuân Hòa (Từ ngã ba giao với đường 17/8 (Bưu điện tỉnh) đến ngã ba giao với phố Phan Đình Phùng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Xuân Hoà.	1,2
3		**Đường Bình Thuận (Đoạn từ Cống Chả 1 đến ngã tư giao với Quốc lộ 2 tránh)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Bình Thuận	1,26
4		**Đường Nguyễn Văn Cừ (Từ ngã ba giao với đường 17/8 (Khách sạn Lô Giang) đến ngã ba bến đò Tràng Đà)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Nguyễn Văn Cừ.	1,2
5		**Đường Lý Thái Tổ (Đoạn từ ngã ba giao với Bình Thuận đến ngã ba giao với đường Lê Lợi)**	

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Lý Thái Tổ	1,5
6		**Đường Nguyễn Văn Linh (Từ ngã ba giao với đường Phan Thiết đến ngã ba giao với đường Hà Huy Tập)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Nguyễn Văn Linh.	1,2
7		**Phố Hoàng Quốc Việt (Từ ngã ba giao với đường Phan Thiết đến ngã ba giao với đường Hà Huy Tập (đường dọc số 2))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh với đường phố Hoàng Quốc Việt	1,2
8		**Phố Nguyễn Lương Bằng (Từ ngã ba giao với đường Phan Thiết đến ngã ba giao với đường Hà Huy Tập (đường dọc số 1))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh với đường phố Nguyễn Lương Bằng.	1,2
9		**Phố Trần Đại Nghĩa (Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Linh đến hết tổ 15 (tổ 28 cũ) phường Phan Thiết)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh với đường phố Trần Đại Nghĩa.	1,2
10		**Phố Đức Nghĩa (Đoạn từ đường Quang Trung đến ngã tư giao với phố Xã Tắc)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Đức Nghĩa	1,2
11		**Phố Lý Nam Đế (Từ ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô dọc Khu dân cư Lê Lợi 2 (giai đoạn 1 và 2) đến ngã ba giao với đường Đinh Tiên Hoàng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Lý Nam Đế.	2,0

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
12		**Đường Trần Phú (Từ ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô dọc Khu dân cư Lê Lợi 2 (giai đoạn 3) đến ngã ba giao với đường Hà Huy Tập)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Trần Phú.	2,0
13		**Phố Phan Chu Trinh (Từ ngã ba giao với đường Lê Lợi qua Ủy ban nhân dân phường Tân Quang đến ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Phan Chu Trinh.	1,5
14		**Phố Văn Cao (Từ ngã ba giao với đường Nguyễn Trãi đến ngã ba giao với đường Chiến Thắng Sông Lô (cạnh Bách hoá cũ))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Văn Cao.	1,2
15		**Phố Xã Tắc (Đoạn từ ngã tư Đức Nghĩa đến ngã ba giao với đường Quang Trung)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Xã Tắc.	1,2
16		**Phố Nguyễn Du (Từ ngã ba giao với đường 17/8 đến ngã ba giao với đường Tân Trào)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Nguyễn Du.	1,2
17		**Phố Ngô Gia Khảm (Từ ngã ba giao với phố Nguyễn Du đến ngã ba giao với đường Tân Trào)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường từ phố Nguyễn Du đến ngã ba giao với đường Tân Trào (trục ngang).	1,2
		Đất liền cạnh đường phố Ngô Gia Khảm (trục dọc).	1,2

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
18		**Phố Hà Tuyên (Từ ngã ba giao với đường 17/8 (cạnh Sở Khoa học Công nghệ) đến ngã ba giao với đường Quang Trung)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Hà Tuyên.	1,2
19		**Phố Trần Nhân Tông (Từ ngã ba giao với đường 17/8 (cạnh Sở Xây dựng) qua khu dân cư khu B, tổ 18 (tổ 4 cũ) phường Phan Thiết đến ngã ba giao với phố Hồng Thái)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Trần Nhân Tông.	1,2
20		**Đường Nội bộ quy hoạch (Khu dân cư bao bọc 3 đường: Đường 17/8, đường Phan Thiết, đường Quang Trung phường Phan Thiết)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh khu dân cư các trục đường quy hoạch	1,2
21		**Đường nội bộ khu quy hoạch Trung tâm Hội nghị**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường nội bộ khu quy hoạch Trung tâm Hội nghị.	1,2
22		**Đường nội bộ trong khu quy hoạch dân cư Phan Thiết II**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường nội bộ trong khu quy hoạch dân cư Phan Thiết II.	1,2
23		**Đường nội bộ quy hoạch khu dân cư Thịnh Hưng**	
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường	1,15
24		**Đường Nội bộ quy hoạch (Trục đường Lý Thái Tổ (Tổ 17 phường Phan Thiết)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường nội bộ khu quy hoạch dân cư Lý Thái Tổ	1,2
25		**Đường nội bộ quy hoạch tổ 1, 2 Phường Phan Thiết**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,2

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
26		**Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ tiếp giáp ngã ba giao với phố Hai Bà Trưng (đường lên Nhà Thờ Xứ) qua cổng Nhà máy đường Tuyên Quang đến ngã 3 bến đò đi Tràng Đà)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Trần Hưng Đạo: Đoạn từ Nhà Thờ Xứ đến cổng Nhà máy đường Tuyên Quang.	1,2
27		**Phố Nam Cao (Đoạn từ ngã ba giao với giao với đường Phan Thiết đến ngã ba giao với trục ngang của phố Hà Tuyên (Đường dọc khu dân cư Phan Thiết 2))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh phố Nam Cao.	1,5
28		**Phố Tam Cờ (Đoạn từ đường Quang Trung đến Bến xe cũ)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh phố Tam Cờ.	1,5
29		**Đường Minh Thanh (Đoạn từ ngã ba giao với đường Tân Hà đến ngã ba giao với đường Trường Chinh)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Minh Thanh.	1,3
30		**Đường Tân Hà**	
	Vị trí 2	Đất liền cạnh các ngõ, đất liền cạnh đường nhựa nội bộ quy hoạch khu dân cư tổ 2+5 phường Tân Hà	1,3
31		**Khu dân cư nhà phố thương mại**	
	Vị trí 1	Đất tại khu dân cư Nhà phố thương mại Việt Mỹ (VMI)	2,0
IV		**Đường loại IV**	
1		**Phố Nguyễn Bỉnh Khiêm (Từ ngã tư giao với phố Đức Nghĩa và phố Xã Tắc đến ngã ba giao với đường Đinh Tiên Hoàng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Nguyễn Bỉnh Khiêm.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
2		**Phố Đức Nghĩa**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Đức Nghĩa.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
3		**Đường Đinh Tiên Hoàng (Đoạn từ ngã ba giao với đường Tân Trào đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Linh)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Đinh Tiên Hoàng.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
4		**Đường Nguyễn Văn Linh (Đoạn từ ngã ba giao với đường Hà Huy Tập đến ngã ba giao với đường Đinh Tiên Hoàng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Nguyễn Văn Linh.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
5		**Phố Vũ Mùi (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 1))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Vũ Mùi.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
6		**Phố Lý Thánh Tông (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 2))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Lý Thánh Tông.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
7		**Phố Nguyễn Đình Chiểu (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường đường Xuân Hoà (Xuân Hoà 3))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Nguyễn Đình Chiểu.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
8		**Phố Hoàng Thế Cao (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 4))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Hoàng Thế Cao.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
9		**Phố Bà Triệu (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 5))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Bà Triệu.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
10		**Phố Hai Bà trưng (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 6))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Hai Bà Trưng.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
11		**Phố Lê Quý Đôn (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 7))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Lê Quý Đôn.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
12		**Phố Hoàng Hoa Thám (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 8))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Hoàng Hoa Thám.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
13		**Phố Phan Đình Phùng (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Nguyễn Văn Cừ (Xuân Hoà 9))**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố Phan Đình Phùng.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
14		**Đường nội bộ khu dân cư phía nam Trường Tiểu học Bình Thuận**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường.	1,5
	Vị trí 2	Đất còn lại trong ngõ, ngách.	1,5
15		**Đường Ngô Quyền (Từ ngã ba giao với đường Trần Hưng Đạo đến ngã ba giao với đường Tân Hà)**	
	Vị trí 2	Đất liền cạnh ngõ từ đường Ngô Quyền đến Vườn Thánh.	1,5
		Đất liền cạnh ngõ số 02 vào đến Công ty cổ phần lâm sản và khoáng sản Tuyên Quang	1,5
		Đất liền cạnh ngõ số 144 giao nhau từ ngã ba đường Ngô Quyền cũ với đường Ngô Quyền mới.	1,5
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường nội bộ khu quy hoạch tái định cư tổ 38	1,5
		Đất liền cạnh đường nội bộ khu quy hoạch Dịch vụ thương mại và ẩm thực	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
16		**Đường Tân Trào (Đoạn từ Chân Dốc Đỏ đến hết địa phận phường Nông Tiến.)**	
	Vị trí 1	Đất ở liền cạnh đường đoạn từ Chân Dốc Đỏ đến hết địa phận phường Nông Tiến.	1,15
	Vị trí 3	Đất ở trong các ngõ của đường Tân Trào	1,3
	Vị trí 4	Đất ở còn lại trong các ngách	1,25
17		**Đường Bình Ca**	
	Vị trí 1	Đất ở liền cạnh đường Bình Ca đoạn từ ngã 3 giao với đường 379 cũ qua đường Tân Trào đến trạm bơm của Hợp Tác Xã Nông Tiến	1,5
18		**Đường Kim Bình**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Kim Bình đoạn từ Km 0 đến hết địa phận phường Nông Tiến.	1,5
19		**Đường 379 (cũ)**	
	Vị trí 1	Đất ở liền cạnh đường 379 (cũ) đoạn từ Bến Phà cũ đến ngã 4 giao với đường Tân Trào (Cây Xăng Nông Tiến)	1,5
		Đất liền cạnh đường đoạn từ nhà ông Vũ Mạnh Tữ đến nhà bà Lưu Thị Hoạt, tổ 6 phường Nông Tiến (ngã ba giao với đường Tân Trào)	1,5
20		**Đường Phú Hưng (Đoạn từ ngã 3 Hồng Châu đến Cống thuỷ lợi Bến đất, hết tổ 21, phường Hưng Thành)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Phú Hưng.	1,15
21		**Đường Nguyễn Chí Thanh**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Nguyễn Chí Thanh đoạn từ Sở Tài nguyên và Môi trường đến ngã ba giao với đường Kim Quan.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Vị trí 2	Đất liền cạnh đường nhựa nội bộ khu tái định cư tổ 9 phường Ỷ La.	1,5
	Vị trí 3	Đất liền cạnh đường nội bộ Khu dân cư Tân Phát	1,6
22		**Đường Quốc lộ 37 (Đoạn từ ngã 4 giao giữa Quốc Lộ 2 tránh và đường Quốc lộ 37 qua ngã tư giao với đường Lê Đại Hành đến hết địa phận phường Hưng Thành)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Quốc lộ 37.	1,15
23		**Đường Kim Quan**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Kim Quan đoạn từ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đến ngã ba giao với đường Nguyễn Chí Thanh.	1,15
24		**Đường Tôn Đức Thắng (Đoạn từ ngã 3 Chợ Mận giao với đường Phạm Văn Đồng qua Công ty cấp thoát nước đến ngã 3 giao với đường Lê Đại Hành)**	
	Vị trí 1	Đất ở liền cạnh đường Tôn Đức Thắng.	1,15
		Đất ở liền cạnh đường từ đường Tôn Đức Thắng đi Trung tâm bảo trợ.	1,15
		Đất ở liền cạnh đường đoạn từ ngã 3 giao với đường Tôn Đức Thắng qua Ủy ban nhân dân phường đến ngã 3 giao với đường Bình Thuận	1,15
	Vị trí 2	Đất liền cạnh các ngõ	1,15
25		**Đường Liên Minh (Đoạn từ ngã 3 giao với đường Phạm Văn Đồng đến ngã 3 giao với đường Tôn Đức Thắng)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường Liên Minh	1,50
26		**Đường nội bộ quy hoạch khu dân cư Đông Sơn**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường nội bộ khu dân cư Đông Sơn	1,15

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
27		**Đường nội bộ quy hoạch khu dân cư Minh Thanh**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường nội bộ quy hoạch khu dân cư Minh Thanh	1,4
28		**Đường nội bộ quy hoạch tổ 9 Phường Phan Thiết**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,15
29		**Đường nội bộ quy hoạch Khu quy hoạch tái định cư Tân Hà**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,15
30		**Phường An Tường**	
	Khu vực 1, Vị trí 1	Các lô đất trong khu dân cư An Phú	1,5
31		**Phường Đội Cấn**	
	Đường loại 1, Vị trí 1	Tuyến đường từ ngã ba rẽ vào nhà máy Z113 đến trạm gác	1,15
		Toàn bộ các khu quy hoạch dân cư Z113	1,15
B		**ĐẤT Ở CÁC VỊ TRÍ VEN TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH**	
I		**Quốc lộ 37 cũ (Tuyên Quang đi Yên Bái)**	
		Ven đường Lê Đại Hành đoạn từ ngã ba Bình Thuận đến ngã tư giao với Quốc Lộ 37 (phía bên phường An Tường)	1,15
		Ven đường Quốc lộ 37 đoạn từ ngã tư giao với đường Lê Đại Hành đến hết địa phận thành phố Tuyên Quang	1,15
II		**Quốc lộ 2 cũ (Tuyên Quang đi Hà Nội)**	

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
		Từ ngã ba Bình Thuận qua Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang đến cầu Bình Trù	1,29
		Từ tiếp giáp Km 9 đến Km 11	1,25
III		**Đất ở vị trí ven khu công nghiệp**	
		Đường dẫn cầu Tân Hà thuộc xã Tràng Đà (đoạn từ cầu Tân Hà đến ngã ba giao với đường quốc lộ 2C)	1,13
IV		**Đường Trung tâm hành chính thành phố**	
		Đoạn từ giáp Quốc lộ 2 đến đường Nguyễn Tất Thành (Quốc lộ 2 tránh)	1,33
V		**Đoạn từ Km 130 Quốc lộ số 2 đi Bình Ca**	
		Từ Dốc Võng đến giáp nhà văn hóa thôn Phúc Lộc B, xã An Khang	1,25
C		**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI**	
I		**Xã Lưỡng Vượng**	
	Khu vực 1, Vị trí 1	Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba giao với Quốc lộ 2 theo đường Ruộc đến giáp xã An Khang;	1,11
II		**Xã Thái Long**	
	Khu vực 1, Vị trí 1	Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba giao với Quốc lộ 2 (thửa đất số 67, tờ bản đồ địa chính số 8) theo đường trục xã đến hết thửa đất số 189, tờ bản đồ địa chính số 44.	1,11
III		**Xã Kim Phú**	
	Khu vực 1, Vị trí 1	Đất ở liền cạnh đường liên xã: từ Ủy ban nhân dân xã đi Trường Chính trị (hết đường bê tông)	1,33

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
		Đất ở liền cạnh đường liên xã: đoạn từ Ủy ban nhân dân xã đến giao với Đường Thanh Niên	1,33
		Đất ở liền cạnh đường liên thôn: đoạn từ ngã ba nhà ông Bùi Xuân Vương đến giao với đường Thanh Niên	1,33
	Khu vực 2, Vị trí 1	Đất ở khu dân cư còn lại của các xóm: 22, 23, 24, 25, 26	1,80
IV		**Xã Tràng Đà**	
	Khu vực 1, vị trí 1	Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba Đền Thượng đi qua xí nghiệp Bột Kẽm đến ngã ba nhà ông Nguyễn Huy Thảo (thửa đất số 72, tờ bản đồ địa chính số 45) xóm 9 (xóm 15, 16 cũ)	1,5
		Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba nhà ông Nguyễn Huy Thảo đi qua cầu đã, qua xóm 7 đến ngã ba giao với đường Quốc lộ 2C (Khu tái định cứ đường cầu Tân Hà và nhà máy xi măng Tân Quang)	1,5
		Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba nhà ông Nguyễn Huy Thảo đến đền Cấm, thuộc xóm 9 (xóm 16 cũ)	1,5
	Khu vực 1, vị trí 1	Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba giao Quốc lộ 2C (tại vị trí cầu bê tông xóm 14) theo đường trung tâm xã đi qua xóm 9 (xóm 15, 16 cũ) đến ngã ba nhà ông Nguyễn Huy Thảo.	1,5

STT	Vị trí/Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
		Đất liền cạnh các trục đường nội bộ khu tái định cư đường dẫn cầu Tân Hà và nhà máy xi măng Tân Quang thuộc xóm 7 (xóm 12 cũ).	1,5
		Đất liền cạnh đường đoạn từ ngã ba nhà ông Trình (thửa đất số 157, tờ bản đồ địa chính số 45) đến hết thửa đất số 8, 30 tờ bản đồ địa chính số 46.	1,5
		Đất ở trong các khu tái định cư xóm 4, 5 (xóm 6, 8 cũ) và Khu dân cư quy hoạch thuộc xóm 6 (xóm 11 cũ).	1,5
	Khu vực 3, vị trí 1	Đất ở tại các vị trí còn lại trên địa bàn xã.	1,52

Phụ lục số 02

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT
NĂM 2024 TẠI ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
A		**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ VEN TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN SƠN**	
I		**Quốc lộ 2** (Tuyên Quang - Hà Giang) từ tiếp giáp cầu Nghiêng đến km 8+300	1,13
II		**Quốc lộ 2D** (TL186 cũ) từ ngã ba đi Tâm Bằng đến Quốc lộ 37	1,5
III		**Quốc lộ 37**	
		Từ đỉnh dốc Đồng Khoai giáp phường Mỹ Lâm đến Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bằng	1,4
		Từ Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bằng đến Cây xăng	1,25
B		**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI**	
I		**Xã Lang Quán**	
	Khu vực II, Vị trí 2	Thôn 20: Đất ở bám theo 2 bên trục đường liên thôn.	1,25
II		**Xã Hoàng Khai**	
	Khu vực II, Vị trí 1	Đất ở còn lại của thôn Chè Đen 1, Chè Đen 2, K331	1,6
	Khu vực II, Vị trí 2	Đất ở còn lại của các thôn: Núi Cẩy, Yên Lộc, Thôn Yên Mỹ 1, Thôn Yên Mỹ 2, Yên Thái, Yên Khánh, Tân Quang.	1,61
III		**Xã Mỹ Bằng**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Từ ngã ba ông Quảng Bình đến Cổng Kho K20	1,5

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Khu vực II, Vị trí 1	Đất ở khu dân cư còn lại	1,4
	Khu vực III, Vị trí 1	Đất ở khu dân cư còn lại	1,4
IV		**Xã Chân Sơn**	
	Khu vực I, Vị trí 2	Đất ở liền cạnh đường liên xã Chân Sơn - Kim Phú của các thôn: Khuôn Lâm, Đèo Hoa, Trường Sơn, Làng Là (từ giáp xóm Đèo Hoa đến Ngầm Làng Là), Động Sơn (từ nhà ông Hoàng Văn Hơn Bờ đập đến ngã 3 hết nhà ông Đặng Văn Duyên)	1,1
	Khu vực II, Vị trí 2	Đất ở bám đường liên thôn của các thôn: Hoàng Sơn, Hoa Sơn, Khuôn Lâm, Tân Sơn, Trường Sơn, Động Sơn, Kim Sơn, Đồng Giàn, Đèo Hoa, Trung Sơn, Làng Là, Hoàng Pháp, Nhà Thờ	1,45
V		**Xã Trung Môn**	
	Khu vực II, Vị trí 1	Các lô quy hoạch dân cư tái định cư thôn 8 + 9	1,25
	Khu vực II, vị trí 2	Đất ở khu dân cư còn lại của các thôn 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 17	1,05
VI		**Xã Lực Hành**	
	Khu vực I, Vị trí 2	Đất ở ven đường liên xã từ ngã ba đi về hướng xã Phúc Ninh 350 m	1,17
VII		**Xã Xuân Vân**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Tâm đến Trường Tiểu học Quang Trung	1,3
	Khu vực II, vị trí 1	Các vị trí còn lại của thôn An Lạc 1, Vân Giang	1,27
VIII		**Xã Nhữ Khê**	
	Khu vực I, Vị trí 2	Đất ở khu dân cư còn lại của thôn Đồng Thắng và thôn 10	1,27

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Khu vực III, Vị trí 1	Đất ở khu dân cư còn lại	2,83
IX		**Xã Đội Bình**	
	Khu vực III, Vị trí 1	Các vị trí còn lại xóm Hưng Quốc (trừ Khu vực I, Vị trí 1); Các vị trí còn lại thuộc xóm Đồng Giàn (trừ Khu vực I, Vị trí 1)	2
C		**ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG KHU TRUNG TÂM HUYỆN**	
		Đường trung tâm huyện	
		Các lô đất ở trong khu quy hoạch tái định cư Km 12 và khu quy hoạch tái định cư Km 13 xã Tứ Quận	1,2

Phụ lục số 03

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TẠI ĐỊA BÀN CỦA HUYỆN HÀM YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định 33/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Vị trí đất/ Vị trí	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
		ĐẤT Ở ĐÔ THỊ	
I		**ĐƯỜNG LOẠI I**	
1		**Đường Quốc lộ 2 (Đoạn từ Vật tư nông nghiệp đến cầu Bắc Mục Quốc lộ 2)**	
	Vị trí 1	Các lô đất ở liền mặt đường	1,1
	Vị trí 2	Ngõ Chi cục Thuế mới đến hết nhà ông Dung Hùng (50m)	1,3
		Ngõ Vận tải thuỷ cũ đến hết nhà ông Sơn Vang (100m)	
	Vị trí 3	Ngõ nhà ông Tiến Giáng đến nhà ông Giới (150m).	1,2
		Ngõ gốc Bát đến đầu đập gốc Bát (200m).	1,2
2		**Đường Bắc Mục (Đoạn từ ngã ba kho bạc cũ đến Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện)**	
	Vị trí 1	Các lô tiếp giáp mặt đường	1,1
	Vị trí 2	Ngõ vào nhà ông Quế đến nhà văn hóa tổ Cống Đôi	1,1
	Vị trí 2	Ngõ lên sân Văn hoá đến nhà ông Giá, ông Lịch (200m)	1,3
	Vị trí 3	Các vị trí còn lại tiếp giáp vị trí 2	1,6
II		**ĐƯỜNG LOẠI II**	
1		**Đường Quốc lộ 2 (Đoạn từ cổng Lâm trường Hàm Yên đến đầu cầu Trái Cáy)**	

STT	Vị trí đất/ Vị trí	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường.	1,2
	Vị trí 2	Ngõ ông Song đến nhà ông Thanh (60m).	1,3
2		**Đường Bắc Mục (Đoạn từ Trung tâm Văn hoá huyện đến đầu Cầu Bắc Mục nội thị)**	
	Vị trí 1	Các lô đất ở tiếp giáp mặt đường.	1,2
	Vị trí 2	Ngõ ông Luận bà Diệp.	1,3
3		**Đường Quốc lộ 2 (Đoạn từ km 38 đến cổng Công ty Lâm nghiệp Hàm Yên)**	
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường.	1,2
4		**Đường Quốc lộ 2 (Từ cầu Trái Cáy đến ngã ba Vật tư nông nghiệp QL2)**	
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường.	1,2
	Vị trí 3	Toàn bộ đất Khu tập thể cầu đường cũ (150m)	1,25
III		**ĐƯỜNG LOẠI III**	
1		**Đường Quốc lộ 2 (Từ đầu cầu Bắc Mục Quốc lộ 2 đến Km 44+300)**	
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường.	1,2
2		**Đường Bắc Mục (Đoạn từ đầu cầu Bắc Mục nội thị đến ngã ba Dốc Đèn)**	
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường	1,2
3		**Đường Tân Tiến (Đoạn từ Viện Kiểm sát đến ngã ba đường Cầu Mới (nội thị)**	
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường	1,2

STT	Vị trí đất/ Vị trí	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
IV		**ĐƯỜNG LOẠI IV**	
1		**Đường dẫn cầu (đoạn từ nhà ông Hiền đến cầu Tân Yên)**	
	Vị trí 1	Các lô đất tiếp giáp mặt đường	1,5
	Vị trí 2	Ngõ nhà bà Sim đến nhà ông Quế (100m)	1,5
	Vị trí 3	Các lô còn lại tiếp giáp vị trí 2	1,5
2		**Đoạn từ giáp đất xã Thành Long đến km 38**	
	Vị trí 1	Từ giáp đất xã Thành Long đến km 38	1,28
B		**ĐẤT VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH**	
1		**Xã Yên Lâm**	
		Từ giáp đất xã Yên Phú đến km 68	1,05
2		**Xã Thái Hòa**	
		Quốc Lộ 2 đoạn từ ngã ba đường vào Ủy ban nhân dân xã Thái Hoà đến cầu Km 27.	1,25
		Huyện lộ: đoạn từ cổng nhà Ông Thúy (đường vào Ủy ban nhân dân Thái Hòa) đến cổng nhà Ông Giáp thôn Tân An.	1,13
3		**Xã Thành Long**	
		Huyện Lộ: - Từ Ủy ban nhân dân xã Thành Long đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Huế thôn Loa - Từ Ủy ban nhân dân xã Thành Long đến hết chợ trung tâm xã - Từ UBND xã Thành Long đếnhết đất Trường Tiểu học Thành Long	1,2
4		**Xã Yên Phú**	

STT	Vị trí đất/ Vị trí	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Quốc Lộ 2 đoạn từ giáp Km 53 đến Km 54	1,2
5		**Xã Bình Xa**	
		Tỉnh lộ (Đường tỉnh 189: Bình Xa đi Yên Thuận) đoạn từ ngã ba đi Minh Hương đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã	1,56
6		**Xã Tân Thành**	
		Huyện Lộ : đoạn từ đầu cầu Tân Yên (phía Tân Thành) đến hết thửa đất số 46 tờ bản đồ số 39 (lò xả cũ) thôn 2 Tân Yên. Đường rẽ vào nhà ông Đinh Văn Khôi	1,68
7		**Xã Phù Lưu**	
		Tỉnh lộ (Đường tỉnh 189: Bình Xa đi Yên Thuận) đoạn từ cầu tràn Khau Lình đi qua Ủy ban nhân dân xã Phù Lưu đến Cầu tràn Suối Thọ	1,2
8		**Xã Minh Dân**	
		Tỉnh lộ (Đường tỉnh 189: Bình Xa đi Yên Thuận) đoạn từ tiếp giáp ao nhà ông Long Nhật đến cổng nhà thờ.	1,25

Phụ lục số 04

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TẠI ĐỊA BÀN CỦA HUYỆN CHIÊM HOÁ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
A		**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**	
I		**Đường loại I**	
1		**Quốc lộ 3B (ĐT 190 cũ)**	
1.1		**Đoạn từ đất nhà ông Cường Hỷ tổ dân phố Vĩnh Lim (tổ Luộc 2 cũ) qua ngã ba bến xe cũ đến đầu cầu Chiêm Hóa gồm nhà ông Nguyễn Đức Quân, Nguyễn Đức Chiến, Nguyễn Đức Chung tổ dân phố Vĩnh Tài (tổ Trung Tâm 1 cũ) bao gồm cả các hộ từ Hạt Quản lý giao thông đến đường rẽ xuống bến phà cũ**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,31
1.2		**Đoạn từ ngã ba Hiệu sách và Công ty Thương nghiệp huyện đến giáp đất hộ bà Hạ (Đoàn) giáp đường Chiêm Hóa - Nhân Lý**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,31
1.3		**(Xung quanh Chợ Chiêm Hóa) từ giáp đất Siêu thị Tùng Diện đến hết đất nhà bà Nguyễn Thúy Loan Hợp tác xã vận tải và từ đất nhà ông Mai Văn Thắng đến giáp đất nhà bà Thủy tổ dân phố Vĩnh Tài (Tổ Trung tâm 2 cũ)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,31

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
2		**Đường Chiêm Hóa – Nhân Lý**	
2.1		**Đoạn từ đất hộ ông Trần Đức Dũng – Phạm Văn Toản (Hằng) (tổ Trung tâm 1 cũ) qua cổng Hạt Kiểm lâm đến hết đất vườn hộ ông Nguyễn Quốc Sự tổ dân phố Vĩnh Tài (tổ Trung tâm 2 cũ)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,31
II		**Đường loại II**	
1		**Đường ĐT 188**	
		Đoạn từ giáp đường rẽ xuống bến phà cũ hộ ông Bùi Quang Cảnh tổ dân phố Vĩnh Giang (tổ A2 cũ) đến hết đất hộ bà Lù Làn Múi và đất Trạm khí tượng thủy văn tổ dân phố Vĩnh Hưng (tổ Phúc Hương 1 cũ)	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,31
2		**Quốc lộ 2C**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường từ ngã ba đầu cầu Chiêm Hóa (tổ 11/9) đến đường lên nghĩa địa tổ 11/9	1,31
III		**Đường loại III**	
1		**Quốc lộ 3B (ĐT 190 cũ)**	
1.1		**Đoạn từ giáp đất hộ ông Nguyễn Văn Chiêm - đối diện Ngân hàng chính sách huyện tổ dân phố Vĩnh Thịnh (tổ Đồng Luộc cũ) đến hết đất thị trấn Vĩnh Lộc, giáp xã Phúc Thịnh**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường	1,2
B		**ĐẤT Ở NÔNG THÔN VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG CHÍNH**	
I		**Quốc lộ 2C**	

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1		Xã Ngọc Hội: Đoạn từ giáp địa phận Thị trấn Vĩnh Lộc đến giáp đường ngõ đi Lũng Tát (Nà Ngà)	1,1
2		Xã Kim Bình: Đoạn từ giáp xã Vinh Quang đến đầu cầu Kim Bình (chân Đèo Chai Keo)	1,3
3		Xã Kim Bình: Đoạn từ cầu Kim Bình (thôn Kim Quang) đến chân Đèo Nàng), giáp huyện Yên Sơn.	1,5
II		**Quốc lộ 3B**	
1		Xã Yên Nguyên: Đoạn từ giáp ranh xã Bình Xa đến hết chợ Hợp Long (nhà ông Trần Văn Toàn)	1,1
2		Xã Yên Nguyên: Từ cây xăng Hoàng Sơn (thôn Làng Mòi) đến hết đất cây xăng thôn Trục Trì	1,1
3		Xã Hòa Phú: Từ đầu cầu số 1 thôn Nà Tàng đến cổng Trường THCS Hòa Phú (thôn Gia Kè)	1,1
III		**Đường huyện (Phúc Thịnh - Trung Hà - Hồng Quang)**	
1		Đoạn từ giáp đất xã Phúc Thịnh đến cầu tràn thôn An Thịnh	1,5
2		Đoạn từ cầu tràn thôn An Thịnh đến ngã 3 đi thôn Tân Bình	1,34
3		Đoạn từ ngã 3 đi thôn Tân Bình đến hết xã Tân An giáp đất xã Tân Mỹ.	1,5

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
IV		**Đường ĐT 188**	
1		Xã Hùng Mỹ: Đoạn từ giáp đất xã Xuân Quang đến hết đất nhà ông Ma Văn Đôi thôn Hùng Dũng	1,2
2		Xã Xuân Quang: Đoạn từ giáp thị trấn Vĩnh Lộc đến ngã ba đường lên Trường Tiểu học và Trung học cơ sở.	1,3

Phụ lục số 05

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TẠI ĐỊA BÀN HUYỆN NA HANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
A		**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**	
		Đường loại I	
	Vị trí 1	Toàn bộ các thửa đất tiếp giáp trục đường chính	1,5
	Vị trí 2	Các thửa tiếp giáp trục đường đoạn từ nhà ông Nguyễn Thành Đồng đến hết đất nhà ông Nguyễn Mỹ Quang tổ dân phố 4	1,5
	Vị trí 2	Các thửa đất tiếp giáp trục đường đoạn từ nhà ông Nguyễn Xuân Trường đến hết đất nhà ông Chẩu Văn Thành tổ dân phố 5	1,5
	Vị trí 2	Các thửa đất tiếp giáp trục đường đoạn từ nhà ông Tiến tổ dân phố 9 đến Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang	1,5
	Vị trí 2	Các thửa đất tiếp giáp trục đường đoạn từ nhà bà Huệ tổ dân phố 10 qua trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn đến giáp đất nhà ông Trịnh Xuân Cường	1,5
B		**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ VEN TRỤC GIAO THÔNG CHÍNH**	
1		**Xã Yên Hoa**	
	Khu trung tâm thương mại	Đất từ ngã ba Côn Lôn đoạn từ nhà ông Xuân Đôn qua trạm Kiểm lâm Yên Hoa đến nhà ông Triệu Văn Thiện thôn Nà Khuyến	1,8

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Khu trung tâm thương mại	Toàn bộ các thửa đất ở ven đường từ nhà ông Lê Văn Du sửa xe máy thôn Tân Thành dọc theo Quốc lộ 280 đến Cây xăng thôn Nà Khuyến	1,8
		Khu tái định cư: Bản Chợ, Tân Thành, Na Khuyến, xã Yên Hoa	1,8
2		**Xã Đà Vị**	
	Khu trung tâm thương mại	Đoạn từ đầu cầu Đà Vị đến tiếp giáp ngã 3 Ủy ban nhân dân xã Đà Vị	1,8
	Quốc lộ 279	Đoạn từ ngã ba giáp Ủy ban nhân dân xã Đà Vị đến ngã ba rẽ đi xã Hồng Thái	1,5
3		**Xã Năng Khả**	
	Quốc lộ 279	Toàn bộ thửa đất có mặt tiền tiếp giáp với đường Quốc lộ 279: Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Trường thôn Nà Vai đến hết đất nhà ông Nông Văn Dũng (thôn Nà Reo)	1,3
	Huyện lộ	Đoạn từ ngã 3 Nhà văn hóa thôn Nà Reo qua Ủy ban nhân dân xã đến nhà ông Đinh Văn Sử	1,3
4		**Xã Thượng Nông**	
	Quốc lộ 280	Từ cầu Phai Mạ đến cầu Nặm Lèm	1,2
5		**Xã Thượng Giáp**	
	Quốc lộ 280	Các thửa tiếp giáp trục đường đoạn từ cầu Nà Thài xã Thượng Giáp đến hết nhà văn hóa xã	1,5
C		**ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI**	

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
1		**Xã Thanh Tương**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Toàn bộ các thửa đất liền cạnh từ nhà ông Nguyễn Văn Quang (giáp tổ dân phố Tân Lập) đến hết đất nhà ông Ma Văn Kiểm thôn Nà Đồn (Hai bên đường Nẻ Pắc Kẹm, DII 06)	1,3
2		**Xã Côn Lôn**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Các thửa đất trung tâm xã: từ nhà bà Nguyễn Thị Kết đến hết đất nhà ông Nguyễn Quảng Hàng thôn Nà Thưa	1,3
	Khu vực I, Vị trí 2	Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Huấn thôn Nà Thưa đến hết thửa đất ở nhà Nguyễn Văn Duyên thôn Nà Nam	1,3
		Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Tiến thôn Nà Thưa đến hết thửa đất ở nhà ông Nguyễn Văn Thìn thôn Nà Thưa	1,3
3		**Xã Hồng Thái**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Từ cổng Làng Nà Sen thôn Khâu Tràng đến trường Mầm non xã Hồng Thái	1,5
	Khu vực I, Vị trí 2	Đất ở từ đoạn nhà ông Đặng Văn Sam thôn Nà Kiếm đến đất cổng Làng Nà Sen thuộc thôn Khâu Tràng	1,5
	Khu vực II, Vị trí 1	Đất ở liền cạnh đường đoạn từ nhà ông Đàng Văn Sam đến đất nhà ông Bàn Văn Lập thôn Nà Kiếm	1,5
	Khu vực II, Vị trí 2	Đất ở các khu dân cư không nằm cạnh đường liên xã của thôn Khau Tràng	1,5
4		**Xã Khâu Tinh**	

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Khu vực II, Vị trí 1	Đất ven trục đường đoạn từ nhà Ông Lý Văn Học đến nhà ông Nguyễn Văn Cẩn thôn Khau Phiêng, đoạn từ nhà ông Dương Văn Phương đến nhà Ông Chu Văn Tưởng thôn Nà Lũng, đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Thái đến nhà ông La Văn Khanh thôn Khau Tinh	1,3
	Khu vực II, Vị trí 2	Đất ven trục đường thôn, liên thôn: Đoạn từ đất nhà ông Nguyễn Văn Hoàng đến nhà ông Vương Văn Sừ thôn Khau Phiêng. Đoạn từ đất nhà ông Nông Văn Lành đến đất nhà ông Đào Thị Thu, đoạn từ ngã ba nhà Văn hóa thôn Nà Lũng đến nhà ông Phùng Văn Dinh, đoạn từ đất nhà Ông Dương Văn Xiên đến ngã ba trục đường chính thôn Nà Lũng. Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Dùa đến ngã ba trục đường chính, đoạn từ đất nhà ông Đào Văn Thành đến ngã ba đường trục chính, đoạn từ đất nhà ông Chu Viết Thường đến nhà ông Hoàng Văn Minh, đoạn từ đất nhà ông Lý Văn Khiêm đến nhà ông Vi Văn Tích, đoạn từ đỉnh dốc nhà ông La Văn Khanh đến Chốt kiểm lâm Nà Tạng	1,3
5		**Xã Đà Vị**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Đất ở Khu tái định cư thôn Xá Thị không thuộc các thửa đất tiếp giáp trục đường chính 279	1,3
6		**Xã Sinh Long**	
	Khu vực I, Vị trí 1	Đất liền cạnh từ nhà ông Nông Hải Hòa đến hết đất nhà ông Chúc Văn Sai (thôn Lũng Khiêng); đoạn tiếp giáp nhà Chúc Văn Sai đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lai (thôn Phiêng Thốc)	1,3
7		**Xã Thượng Giáp**	

STT	Vị trí/ Khu vực	Loại đường, tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
	Khu vực I, Vị trí 1	Đoạn từ đất nhà ông Thừa đến cổng dưới nhà ông Sầu thôn Nà Thài	1,5
		Các thửa đất ven đường liên thôn đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Đoài đến ngã 3 nhà ông Quay Minh Sầu thôn Nà Thài	1,5

Phụ lục số 06

HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT NĂM 2024 TẠI ĐỊA BÀN HUYỆN SƠN DƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Vị trí đất/Khu vực	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	*2*	*3*	*4*
A		**ĐẤT Ở ĐÔ THỊ**	
I		**ĐƯỜNG LOẠI I**	
1		**Từ chân dốc Đền (hết đất nhà ông Sơn Chút) qua Chi nhánh điện đến cổng Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên**	
1.1		**Từ chân dốc Đền (hết đất nhà ông Sơn Chút) qua cổng Ủy ban nhân dân huyện đến cầu Sơn Dương**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố (mặt tiền).	1,3
1.2		**Đoạn từ Cầu Sơn Dương đến Cầu Trắng và từ ngã 3 Cầu Sơn Dương đến cống qua đường tổ dân phố Xây dựng (đi về phía Tân Trào)**	
	Vị trí 1	Đất liền cạnh đường phố (mặt tiền).	1,1
	Vị trí 4	Bao gồm các vị trí còn lại: Tổ dân phố Xây Dựng (Khu tái định cư để bán đấu giá)	1,1
II		**ĐƯỜNG LOẠI II**	
1	Vị trí 2	Ngã 3 Trung tâm Văn Hoá đến ngã 4 Đội Thuỷ lợi (nhà ông Cần Anh)	1,1

STT	Vị trí đất/Khu vực	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
2	Vị trí 4	Bao gồm: Xóm Bổ Túc (tổ dân phố An Kỳ), các hộ còn lại của tổ dân phố Kỳ Lâm, xóm Mới, xóm Cây Đa (Làng Cả), tổ dân phố Tân Phú, tổ dân phố Đoàn Kết, tổ dân phố Tân Phúc, tổ dân phố Bắc Hoàng.	1,5
B		**ĐẤT Ở VEN ĐƯỜNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ**	
I		**Ngã ba Nút giao Quốc lộ 2C và Quốc lộ 37**	
1		**Xã Tuân Lộ**	
		Đoạn từ đường rẽ: Tuân Lộ - Thanh Phát đến hồ Cây Thị xã Tuân Lộ (Nghĩa trang liệt sỹ xã Tuân Lộ).	1,3
2		**Xã Sơn Nam**	
		Từ đỉnh dốc trường THPT Sơn Nam đến Ủy ban nhân dân xã Sơn Nam.	1,3
		Từ Ủy ban nhân dân xã Sơn Nam đến hết Cầu Bâm xã Sơn Nam (về phía Vĩnh Phúc).	1,3
		Từ Đầu cầu Bâm đến hết địa phận xã Sơn nam (về phía Vĩnh Phúc).	1,2
		Đất ở bám 2 bên đường Quốc lộ 2C (mới) đoạn từ ngã ba rẽ đi cầu Thiện Kế đến ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 2C cũ thôn Lõng Khu.	1,2
3		**Xã Thượng Ấm**	
		Đoạn từ ngã ba rẽ đi Đông Thọ đến ngã ba rẽ đi bến Bình Ca	1,3
4		**Xã Minh Thanh**	
		Đoạn từ cổng đội Tân Thái - (Công ty chè Tân	1,3

STT	Vị trí đất/Khu vực	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
		Trào) đến ngã 3 đường rẽ đi khu di tích hang Bòng.	
5		**Xã Tân Trào**	
		Từ khu vực chợ Tân Trào đến đường rẽ đi thôn Tiền Phong xã Tân Trào.	1,5
II		**Đường ĐT 186**	
1		**Xã Sơn Nam**	
		Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Sơn Nam đến hết địa phận xã Sơn Nam (giáp địa phận xã Đại Phú đi về phía Kim Xuyên).	1,3
2		**Xã Hồng Lạc**	
		Từ cổng trường THPT Kim Xuyên đến ngã ba Bưu điện Kim Xuyên.	1,3
		Từ ngã ba Bưu điện Kim Xuyên đến Cầu Khổng xã Hồng Lạc.	1,2
		Từ Cầu Khổng xã Hồng Lạc đến Cầu Vặc thôn Kho 9 (đi về phía Chi Thiết).	1,3
C		**ĐẤT Ở NÔNG THÔN CÁC VỊ TRÍ CÒN LẠI**	
I		**Xã Vĩnh Lợi**	
1	Khu vực II, Vị trí 2	Đất ở nông thôn các vị trí còn lại: thôn Tân Lập, xã Vĩnh Lợi (Khu tái định cư thôn Tân Lập, xã Vĩnh Lợi bán đấu giá).	2,0
2	Khu vực II, Vị trí 2	Đất ở nông thôn các vị trí còn lại: thôn Gò Hu, xã Vĩnh Lợi (nâng cấp đường ĐT 186 đoạn nối từ đường dẫn cầu An Hoà đến nút giao thông với QL 37 thôn Gò Hu, xã Vĩnh Lợi, khu bán đấu giá)	2,0
II		**Xã Trung Yên**	

STT	Vị trí đất/Khu vực	Loại đường, Tuyến đường	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Khu vực 1, Vị trí 1	Đất ở nông thôn: thôn Quan Hạ, xã Trung Yên (Điểm dân cư thôn Quan Hạ để bán đấu giá)	1,3
III		**Xã Thượng Ấm**	
1	Khu vực 3, Vị trí 2	Thôn Cận, xã Thượng Ấm (đất ở nông thôn các vị trí còn lại)	1,3
IV		**Xã Đông Thọ**	
1	Khu vực 1, Vị trí 1	Đất ở liền kề đường liên xã đoạn từ giáp xã Quyết Thắng đi ngã ba đường vào thôn Đông Thịnh, qua ngã ba thôn Đông Trai đi Đá Trơn đến hết thửa đất số 157 tờ bản đồ địa chính số 101 thôn Đông Trai.	1,7
2	Khu vực 1, Vị trí 1	Đất ở liền kề Đường lên xã đoạn từ ngã ba Chằm Si thôn Xạ Hương giáp thôn Đông Trai qua chân Dốc Đỏ đến hết thôn Xạ Hương giáp thôn Đông Ninh	1,7
D		**ĐẤT Ở VEN TRỤC ĐƯỜNG KHU DU LỊCH**	
		Xã Tân Trào	
		Từ đường rẽ đi khu di tích Hang Bòng đến tiếp giáp khu vực chợ Tân Trào	1,3